

Số:...../2024/QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày..... tháng ..... năm 2024

(Dự thảo lần 1)

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp,  
đánh giá, nghiệm thu và quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ  
cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 09/2014/TT-BKHCN ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 04/2023/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sóc Trăng.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu và quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..... tháng..... năm 2024 và thay thế Quyết định số 45/2017/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định về xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp và đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Sóc Trăng; Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 31/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định quản lý hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và dịch vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và dịch vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 31/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục KTVB QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh, Đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng ĐDBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các Ban Đảng thuộc Tỉnh ủy;
- Báo Sóc Trăng, Đài PTTH Sóc Trăng;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- HTĐT: sotp@soctrang.gov.vn;
- Lưu: VT, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**QUY ĐỊNH**

**Về xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu và quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định công tác xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước.

**2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. Xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ là công việc được thực hiện hàng năm dựa trên định hướng phát triển khoa học và công nghệ ưu tiên, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu của nhà nước và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh là việc xác định tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo quy định tại Điều 29 Luật Khoa học và Công nghệ.

3. Giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh là việc người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Khoa học và Công nghệ.

4. Đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ là quá trình xem xét các kết quả thực hiện so với toàn bộ nội dung của hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và các tài liệu pháp lý liên quan khác khi kết thúc hợp đồng.

## **Chương II**

### **XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

#### **Điều 3. Căn cứ đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ đáp ứng một trong các căn cứ sau đây:

1. Yêu cầu của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; chiến lược, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực.
3. Phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ 05 năm và hằng năm.
4. Những vấn đề khoa học và công nghệ đặc biệt quan trọng nhằm giải quyết yêu cầu cấp bách của tỉnh về quốc phòng, an ninh, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ.
5. Những vấn đề phát sinh trong thực tế tại địa phương cần phải có các biện pháp khoa học để giải quyết.
6. Những nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được xác định năm trước nhưng chưa thực hiện sẽ được xem xét đưa vào danh mục của năm tiếp theo (nếu xét thấy phù hợp).

#### **Điều 4. Nguyên tắc xây dựng đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Việc xây dựng đề xuất nhiệm vụ đáp ứng các nguyên tắc sau:
  - a) Có đủ căn cứ về tính cấp thiết và đáp ứng các tiêu chí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ.
  - b) Có dự kiến phương án ứng dụng hoặc sử dụng kết quả tạo ra.
  - c) Có dự kiến về thời gian thực hiện phù hợp để bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thực hiện.
2. Trong xây dựng đề xuất, khuyến khích xác định tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ để làm căn cứ ưu tiên theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Luật Khoa học và Công nghệ, khoản 5 Điều 29 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ trong quá trình tuyển chọn hoặc giao trực tiếp.

#### **Điều 5. Yêu cầu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chung và yêu cầu riêng cho từng loại hình nhiệm vụ, cụ thể như sau:

1. Yêu cầu chung

a) Có tính cấp thiết, có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong phạm vi cả tỉnh, có vai trò quan trọng nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ.

b) Các vấn đề khoa học cần phải huy động nguồn lực khoa học và công nghệ (nhân lực khoa học và công nghệ hoặc nguồn tài chính) của tỉnh; Vấn đề khoa học và công nghệ nhằm giải quyết yêu cầu cấp thiết của tỉnh về quốc phòng, an ninh, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ; vấn đề phát sinh trong thực tế tại địa phương cần phải có các biện pháp khoa học để giải quyết.

c) Không trùng lặp với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang thực hiện.

## 2. Yêu cầu riêng đối với đề tài

a) Đề tài trong lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ gồm: khoa học tự nhiên; khoa học kỹ thuật và công nghệ; khoa học y, dược; khoa học nông nghiệp, phải đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

- Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ dự kiến: (i) Có triển vọng lớn tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả nhưng chưa được nghiên cứu, ứng dụng ở tỉnh; hoặc (ii) Được hoàn thành ở dạng mẫu (vật liệu; thiết bị; máy móc; dây chuyền công nghệ; giống cây trồng; giống vật nuôi); hoặc (iii) Có khả năng được cấp bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc có khả năng được cấp bằng bảo hộ giống cây trồng.

- Có phương án khả thi để phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm.

b) Đề tài trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn: Có tính mới; kết quả nghiên cứu bảo đảm tạo ra luận cứ khoa học, giải pháp kịp thời cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước.

c) Đề tài trong các lĩnh vực khác: Sản phẩm khoa học và công nghệ bảo đảm tính mới, tính tiên tiến so với các kết quả đã được tạo ra tại tỉnh; có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội.

## 3. Yêu cầu riêng đối với dự án

a) Có xuất xứ công nghệ từ: Công nghệ được chuyển giao theo hợp đồng chuyển giao công nghệ; công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ đã được Hội đồng đánh giá, nghiệm thu; kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích;

b) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ được tạo ra ổn định ở quy mô sản xuất loạt nhỏ và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc phát triển sản phẩm ở quy mô sản xuất hàng loạt.

c) Có khả năng huy động được nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện.

#### 4. Yêu cầu riêng đối với đề án khoa học và công nghệ

Có kết quả nghiên cứu làm cơ sở để xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật với đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ việc hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

#### 5. Yêu cầu riêng đối với chương trình khoa học và công nghệ

Có mục tiêu tạo ra kết quả khoa học và công nghệ, phục vụ phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trong một hoặc một số lĩnh vực trong giai đoạn 5 năm hoặc 10 năm; phát triển hướng công nghệ ưu tiên; phát triển các sản phẩm trọng điểm, chủ lực của tỉnh hoặc phục vụ chương trình mục tiêu của tỉnh. Các kết quả thể hiện tính mới, tính tiên tiến, có khả năng ứng dụng cao và đáp ứng được các mục tiêu của chương trình.

### **Điều 6. Trình tự đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng dự thảo định hướng hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và gửi lấy ý kiến góp ý của các thành viên Hội đồng Xác định nhiệm vụ và Tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong và ngoài tỉnh (nếu có) để xây dựng định hướng hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của năm sau phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và thông báo đến các tổ chức ở trong và ngoài tỉnh.

2. Các sở, ngành, các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh có trách nhiệm tham mưu đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong phạm vi lĩnh vực, địa bàn được giao quản lý, phù hợp với tiến trình xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm.

3. Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp các đề xuất nhiệm vụ và xây dựng danh mục sơ bộ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để phục vụ họp các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo các lĩnh vực.

4. Việc xác định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện thông qua các Hội đồng tư vấn trước khi trình Hội đồng Xác định nhiệm vụ và Tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh (gọi tắt là Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh).

Trường hợp có những nhiệm vụ cấp thiết phát sinh, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong và ngoài tỉnh (nếu có) bằng phiếu hoặc bằng văn bản và phải thông qua Hội đồng tư vấn thuộc lĩnh vực chuyên ngành.

5. Thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo các lĩnh vực.

a) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn theo từng lĩnh vực để xem xét, đánh giá đề xuất nhiệm vụ.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ.

- Xác định danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đủ điều kiện để đề nghị thực hiện.

- Xác định các nội dung chủ yếu của từng nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề nghị thực hiện, bao gồm các nội dung cơ bản sau:

+ Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

+ Mục tiêu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

+ Kết quả, sản phẩm dự kiến và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu của sản phẩm.

c) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đề nghị đưa vào thực hiện khi có trên 3/4 số thành viên của Hội đồng có mặt nhất trí đưa vào thực hiện.

6. Xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Trên cơ sở đề xuất của các Hội đồng tư vấn, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp đề trình Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh. Trước khi xem xét, trình Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh xem xét, Sở Khoa học và Công nghệ có thể tham khảo ý kiến của các Sở, ban, ngành tỉnh và các đơn vị có liên quan về các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề xuất.

b) Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh xác định danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề nghị thực hiện, trong đó nêu rõ đơn vị được giao trực tiếp đối với trường hợp không tuyển chọn. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đưa vào thực hiện khi có trên 3/4 số thành viên của Hội đồng có mặt nhất trí đưa vào thực hiện.

### **Điều 7. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

a) Trên cơ sở kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ tổng hợp danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ gồm: tên nhiệm vụ, thời gian thực hiện, mục tiêu và sản phẩm dự kiến đạt được, phương thức thực hiện để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có thể lấy ý kiến tư vấn của Tổ tư vấn hoặc chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định.

b) Căn cứ vào quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo kết quả đến các tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo phương thức giao trực tiếp: Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản đến các tổ chức chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ nộp hồ sơ để tổ chức thẩm định. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo phương thức tuyển chọn: Sở Khoa học và Công nghệ thông báo tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ trên các phương tiện thông tin đại chúng.

**Chương III**  
**TUYỂN CHỌN TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN**  
**THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**Điều 8. Nguyên tắc tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và thông báo tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Nguyên tắc chung

a) Việc tuyển chọn phải bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch, dân chủ, khách quan; kết quả tuyển chọn phải được công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác.

b) Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn được đánh giá thông qua Hội đồng tư vấn tuyển chọn do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập. Việc đánh giá được tiến hành bằng phương thức chấm điểm theo các nhóm tiêu chí cụ thể quy định tại Điều 11 Quy định này.

c) Trên cơ sở ý kiến tư vấn của Hội đồng tư vấn, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định lựa chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể lấy ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định.

2. Thông báo tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ

Danh mục các nhiệm vụ, điều kiện, thủ tục tham gia tuyển chọn được thông báo công khai trên Trang Thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ trong thời gian 30 ngày để tổ chức và cá nhân chuẩn bị hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn.

Sở Khoa học và Công nghệ thông báo tuyển chọn lần 2 trong khoảng thời gian không quá 06 tháng tính từ ngày bắt đầu thông báo tuyển chọn lần 1 trong các trường hợp sau:

a) Khi hết thời gian thông báo tuyển chọn mà không có hồ sơ đăng ký tuyển chọn.

b) Các hồ sơ không hợp lệ khi tiến hành mở, kiểm tra hồ sơ.

c) Các hồ sơ bị hủy kết quả tuyển chọn theo quy định tại điểm a, b, d, đ, e khoản 3 Điều 13 Quy định này.

d) Trường hợp khác do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định.

**Điều 9. Điều kiện tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Tổ chức có tư cách pháp nhân, có hoạt động phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ có quyền đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ.



2. Tổ chức thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện đăng ký tham gia tuyển chọn chủ trì nhiệm vụ

a) Tại thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn chưa hoàn thành việc đăng ký, giao nộp, lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác theo quy định hiện hành.

b) Tại thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác do mình chủ trì sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng, bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có).

c) Tại thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ đã ký.

d) Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khác thì không được đăng ký tham gia tuyển chọn trong thời gian 01 năm kể từ khi có quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn làm chủ nhiệm nhiệm vụ phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu

a) Có trình độ đại học trở lên.

b) Có chuyên môn trong lĩnh vực khoa học và công nghệ phù hợp với nội dung nhiệm vụ và hoạt động trong lĩnh vực này trong 05 năm gần nhất, tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ.

c) Có khả năng và bảo đảm thời gian để tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

d) Trường hợp khác với các yêu cầu tại các điểm a, b và c khoản này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện đăng ký tham gia tuyển chọn làm chủ nhiệm nhiệm vụ:

a) Tại thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn đang làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác.

b) Tại thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác do mình làm chủ nhiệm sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng, bao gồm thời gian được gia hạn (nếu có).

c) Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ do mình làm chủ nhiệm trong thời gian 03 năm kể từ khi có quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

**Điều 10. Nộp và mở hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Tổ chức và cá nhân đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 9 của Quy định này đăng ký tham gia tuyển chọn nộp hồ sơ (trực tiếp hoặc qua đường bưu chính) đến Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sóc Trăng. Hồ sơ sử dụng phong chữ tiếng Việt Times

New Roman, bộ mã ký tự Unicode theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6909:2001. Toàn bộ hồ sơ được đóng gói, niêm phong và bên ngoài ghi rõ:

a) Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký tham gia tuyển chọn.

b) Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ; tên, địa chỉ, số điện thoại của chủ nhiệm vụ.

c) Danh mục tài liệu có trong hồ sơ.

## 2. Thành phần hồ sơ

a) Tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức theo quy định của pháp luật (Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của tổ chức chủ trì, Điều lệ hoạt động của tổ chức chủ trì hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý khác).

b) Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

c) Thuyết minh nhiệm vụ.

d) Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ.

đ) Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm vụ.

e) Lý lịch khoa học của thành viên chính, thư ký khoa học.

g) Lý lịch khoa học chuyên gia trong nước, chuyên gia nước ngoài (trong trường hợp có chuyên gia tham gia thực hiện).

h) Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ và văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ (trong trường hợp có tổ chức tham gia phối hợp thực hiện).

i) Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành trong 02 năm gần nhất của tổ chức tham gia góp vốn (Đối với nhiệm vụ có yêu cầu vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước).

k) Phương án huy động vốn đối ứng tương ứng với từng trường hợp (Đối với nhiệm vụ có yêu cầu vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước) cụ thể như sau:

- Đối với trường hợp sử dụng nguồn vốn tự có: Hồ sơ chứng minh nguồn vốn và cam kết sử dụng nguồn vốn vào đối ứng thực hiện nhiệm vụ.

- Đối với trường hợp huy động vốn từ các cá nhân/tổ chức hoặc huy động vốn góp của chủ sở hữu: văn bản cam kết và giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của các cá nhân/tổ chức/chủ sở hữu cho tổ chức chủ trì để thực hiện nhiệm vụ.

- Đối với trường hợp vay vốn tổ chức tín dụng: Cam kết cho vay vốn của các tổ chức tín dụng để thực hiện nhiệm vụ.

1) Tài liệu liên quan khác trong trường hợp tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thấy cần thiết bổ sung làm tăng tính thuyết phục của hồ sơ hoặc đơn vị quản lý cần làm rõ thông tin trong quá trình tuyển chọn.

3. Thời hạn nộp và ngày nhận hồ sơ

a) Thời hạn nộp hồ sơ theo thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Ngày chứng thực nộp hồ sơ là ngày ghi tại dấu bưu chính nơi gửi (trường hợp gửi qua bưu chính) hoặc dấu đến của Sở Khoa học và Công nghệ (trường hợp nộp trực tiếp).

4. Trong thời hạn quy định nộp hồ sơ, tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn có quyền rút hồ sơ đã nộp để thay bằng hồ sơ mới hoặc bổ sung hồ sơ đã nộp. Việc thay hồ sơ mới hoặc bổ sung hồ sơ phải hoàn tất trước thời hạn nộp hồ sơ theo quy định.

5. Mở hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn

a) Kết thúc thời hạn nhận hồ sơ đăng ký tuyển chọn, trong thời hạn 07 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành mở, kiểm tra hiện trạng hồ sơ. Thành phần dự mở hồ sơ gồm: Đại diện các tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, đại diện các cơ quan liên quan. Trường hợp đại diện những tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn không đến tham dự thì vẫn tiến hành mở hồ sơ theo quy định.

b) Kết quả mở hồ sơ được ghi thành biên bản.

c) Hồ sơ hợp lệ được đưa vào xem xét, đánh giá là hồ sơ được chuẩn bị theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Quy định này và các quy định có liên quan khác. Đối với các hồ sơ không hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản cho các tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ.

### **Điều 11. Nhóm tiêu chí và thang điểm đánh giá hồ sơ tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ**

Hồ sơ tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ được đánh giá, chấm điểm tối đa 100 điểm theo các nhóm tiêu chí và thang điểm sau:

1. Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ:

a) Tổng quan tình hình nghiên cứu (tối đa 12 điểm).

b) Nội dung, nhân lực thực hiện các nội dung, phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng (tối đa 24 điểm).

c) Sản phẩm khoa học và công nghệ (tối đa 16 điểm).

d) Khả năng ứng dụng hoặc sử dụng kết quả tạo ra vào sản xuất và đời sống (tối đa 16 điểm).

đ) Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện (tối đa 16 điểm).

e) Năng lực của tổ chức và cá nhân thực hiện (tối đa 16 điểm).

2. Đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn và đề án khoa học

a) Tổng quan tình hình nghiên cứu (tối đa 12 điểm).

- b) Nội dung và hoạt động hỗ trợ nghiên cứu (tối đa 12 điểm).
  - c) Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu (tối đa 12 điểm).
  - d) Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện (tối đa 20 điểm).
  - đ) Sản phẩm khoa học, lợi ích kết quả của đề tài, đề án và phương án chuyển giao sản phẩm, kết quả nghiên cứu (tối đa 24 điểm).
  - e) Năng lực của tổ chức và cá nhân thực hiện (tối đa 20 điểm).
3. Đề tài nghiên cứu trong các lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ khác, tùy thuộc vào nội dung nghiên cứu áp dụng nhóm tiêu chí và thang điểm quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này.

#### 4. Dự án

- a) Tổng quan về các vấn đề công nghệ và thị trường của dự án (điểm tối đa 8).
- b) Nội dung và phương án triển khai (tối đa 20 điểm).
- c) Tính mới và tính khả thi của công nghệ (tối đa 12 điểm).
- d) Khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế - xã hội dự kiến của dự án (tối đa 12 điểm).
- đ) Sản phẩm khoa học và công nghệ (tối đa 16 điểm).
- e) Phương án tài chính (tối đa 16 điểm).
- g) Năng lực của tổ chức và cá nhân thực hiện (tối đa 16 điểm).

5. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể điều chỉnh tiêu chí, thang điểm đánh giá tùy theo đặc thù của các loại hình nhiệm vụ.

### **Điều 12. Đánh giá xếp loại hồ sơ**

1. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức họp Hội đồng tư vấn để đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn.

2. Trường hợp chỉ có một hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, Sở Khoa học và Công nghệ vẫn tổ chức Hội đồng tư vấn đánh giá theo các tiêu chí quy định tại Điều 11 của Quy định này.

3. Hội đồng kiến nghị tổ chức và cá nhân trúng tuyển thực hiện nhiệm vụ khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Có hồ sơ được đánh giá đạt tổng số điểm trung bình cao nhất và phải đạt từ 70/100 điểm trở lên, trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/4 số thành viên Hội đồng tư vấn có mặt cho điểm không (0 điểm).

b) Đối với các hồ sơ có tổng số điểm trung bình bằng nhau thì ưu tiên theo thứ tự như sau:

- Ưu tiên hồ sơ có số kinh phí đề xuất từ ngân sách nhà nước ít hơn.

- Ưu tiên chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc tổ chức chủ trì đã có nhiệm vụ cấp tỉnh được đánh giá xếp loại xuất sắc trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm đăng ký thực hiện nhiệm vụ.

- Đối với các hồ sơ có điểm ưu tiên trên như nhau thì ưu tiên hồ sơ có điểm trung bình về nội dung và phương án triển khai của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ cao hơn.

### **Điều 13. Thông báo, phê duyệt và hủy kết quả tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

#### 1. Thông báo kết quả tuyển chọn

a) Trên cơ sở kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn và ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có), Sở Khoa học và Công nghệ thông báo kết quả tuyển chọn đến tổ chức, cá nhân trúng tuyển và công khai trên Trang Thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Tổ chức và cá nhân trúng tuyển có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ theo kết luận của Hội đồng tư vấn và gửi hồ sơ nhiệm vụ kèm theo bản giải trình của tổ chức chủ trì về những nội dung đã chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng về Sở Khoa học và Công nghệ.

#### 2. Phê duyệt kết quả tuyển chọn

Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định để thẩm định dự toán kinh phí của nhiệm vụ và phê duyệt Thuyết minh nhiệm vụ. Khi tổng hợp đủ danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tuyển chọn, Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt.

Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được gửi đến các tổ chức, cá nhân trúng tuyển và Sở Khoa học và Công nghệ. Quyết định phê duyệt là căn cứ pháp lý cho việc ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân trúng tuyển và cấp kinh phí cho việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

#### 3. Hủy kết quả tuyển chọn

Sở Khoa học và Công nghệ hủy kết quả tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có hành vi giả mạo, gian lận hoặc khai báo, cam kết không trung thực trong hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

b) Vi phạm các điều kiện quy định tại Điều 9 Quy định này.

c) Có sự trùng lặp về kinh phí thực hiện nhiệm vụ từ các nguồn khác của ngân sách nhà nước.

d) Đã hết thời hạn nhưng tổ chức, cá nhân trúng tuyển chưa hoàn thiện hồ sơ theo kết luận của Hội đồng.

đ) Đã hết thời hạn nhưng tổ chức, cá nhân trúng tuyển chưa hoàn thiện hồ sơ theo kết luận của Tổ thẩm định.

e) Tổ chức chủ trì đề nghị không thực hiện nhiệm vụ hoặc đề xuất thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ.

Sở Khoa học và Công nghệ gửi văn bản thông báo hủy kết quả tuyển chọn đến tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm nhiệm vụ.

Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ bị hủy kết quả tuyển chọn phải chịu các hình thức xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **Chương IV** **GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN** **THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

#### **Điều 14. Nguyên tắc, điều kiện tham gia xét giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau khi được Hội đồng Xác định nhiệm vụ và Tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ tỉnh xác định đưa vào thực hiện với phương thức giao trực tiếp, sẽ được thẩm định hồ sơ trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Các tổ chức và cá nhân được giao trực tiếp phải đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 9 Quy định này.

3. Các tổ chức và cá nhân thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 2 và khoản 4 Điều 9 của Quy định này sẽ không được xem xét giao trực tiếp chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

#### **Điều 15. Hồ sơ đăng ký tham gia giao trực tiếp**

1. Khi có văn bản thông báo kết quả xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Sở Khoa học và Công nghệ, tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì nộp hồ sơ (trực tiếp hoặc qua đường bưu chính) đến Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Thành phần hồ sơ

Theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Quy định này.

#### **Điều 16. Thẩm định hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ giao trực tiếp**

1. Sở Khoa học và Công nghệ sẽ thành lập và tổ chức họp Hội đồng tư vấn để thẩm định hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Việc đánh giá hồ sơ giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá, chấm điểm tối đa là 100 điểm. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đề nghị thực hiện phải có tổng số điểm trung bình đạt từ 70/100 điểm trở lên, trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/4 số thành viên Hội đồng tư vấn có mặt cho điểm không (0 điểm).

#### **Điều 17. Thông báo, phê duyệt và hủy kết quả giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Thông báo kết quả

a) Trường hợp đề nghị thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ gửi biên bản họp Hội đồng tư vấn đến tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ để chỉnh sửa bản thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo kết luận của Hội đồng. Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ

khoa học và công nghệ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ theo kết luận của Hội đồng tư vấn và gửi hồ sơ nhiệm vụ kèm theo bản giải trình của tổ chức chủ trì về những nội dung đã chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng về Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Trường hợp không đề nghị thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản đến tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN lý do nhiệm vụ KH&CN không được đề nghị thực hiện.

2. Phê duyệt kết quả giao trực tiếp

Theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Quy định này.

3. Hủy kết quả giao trực tiếp

Theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Quy định này.

## **Chương V**

### **ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**Điều 18. Nguyên tắc đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Căn cứ vào Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã ký kết và các nội dung đánh giá được quy định tại khoản 2 Điều 20 Quy định này.

2. Căn cứ vào hồ sơ đánh giá, nghiệm thu.

3. Đảm bảo tính dân chủ, khách quan, công bằng, trung thực và chính xác.

4. Việc đánh giá, nghiệm thu kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo 02 bước

a) Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Quy định này trước khi nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cho Sở Khoa học và Công nghệ.

Thủ trưởng tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định thành lập Hội đồng để tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

b) Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN ở cấp tỉnh.

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ lấy thêm ý kiến tư vấn của tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định nghiệm thu.

**Điều 19. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ**

1. Việc nộp hồ sơ được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn hợp đồng (nếu có). Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính đến Sở Khoa học và Công nghệ.

## 2. Thành phần hồ sơ

- a) Công văn đề nghị đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh của tổ chức chủ trì.
- b) Báo cáo tổng hợp và Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
- c) Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- d) Bản sao Hợp đồng và bản thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
- đ) Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
- e) Các sản phẩm, tài liệu khác có liên quan (nếu có).

## **Điều 20. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức họp Hội đồng tư vấn để đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

### 2. Nội dung đánh giá, nghiệm thu

a) Đánh giá về Báo cáo tổng hợp: Đánh giá tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và lô-gíc của Báo cáo tổng hợp (phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng,...) và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn,...).

b) Đánh giá về sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bao gồm: Số lượng, khối lượng sản phẩm; chất lượng sản phẩm; chủng loại sản phẩm; tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm.

### 3. Yêu cầu cần đạt đối với Báo cáo tổng hợp

- a) Tổng quan được các kết quả nghiên cứu đã có liên quan đến nhiệm vụ.
- b) Số liệu, tư liệu có tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật.
- c) Nội dung báo cáo là toàn bộ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ được trình bày theo kết cấu hệ thống và lô-gíc khoa học, với các luận cứ khoa học có cơ sở lý luận và thực tiễn cụ thể giải đáp những vấn đề nghiên cứu đặt ra, phản ánh trung thực kết quả nhiệm vụ phù hợp với thông lệ chung trong hoạt động nghiên cứu khoa học.
- d) Kết cấu nội dung, văn phong khoa học phù hợp.

### 4. Đánh giá của thành viên Hội đồng

a) Mỗi chủng loại sản phẩm của nhiệm vụ đánh giá trên các tiêu chí về số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm theo 03 mức: “Xuất sắc” khi vượt mức so với đặt hàng; “Đạt” khi đáp ứng đúng, đủ yêu cầu theo đặt hàng; “Không đạt” không đáp ứng đúng, đủ yêu cầu theo đặt hàng.

b) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ đánh giá theo 03 mức: “Xuất sắc” khi báo cáo tổng hợp đã hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 3 Điều 23 Quy định này; “Đạt” khi báo cáo tổng hợp cần chỉnh sửa, bổ sung và có thể hoàn thiện; “Không đạt” khi không thuộc hai trường hợp trên.



c) Đánh giá chung nhiệm vụ theo 03 mức: “Xuất sắc” khi tất cả tiêu chí về sản phẩm đều đạt mức “Xuất sắc” và Báo cáo tổng hợp đạt mức “Đạt” trở lên; “Đạt” khi đáp ứng đồng thời các yêu cầu: Tất cả các tiêu chí về chất lượng, chủng loại sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên; ít nhất 3/4 tiêu chí về khối lượng, số lượng sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên (những sản phẩm không đạt về khối lượng, số lượng thì vẫn phải đảm bảo đạt ít nhất 3/4 so với đặt hàng), Báo cáo tổng hợp đạt mức “Đạt” trở lên; “Không đạt” khi không thuộc hai trường hợp trên hoặc nộp hồ sơ chậm quá 06 tháng kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn (nếu có).

#### 5. Đánh giá, xếp loại của Hội đồng

a) Mức “Xuất sắc” nếu nhiệm vụ khoa học và công nghệ có ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng có mặt nhất trí đánh giá mức “Xuất sắc” và không có thành viên đánh giá ở mức “Không đạt”.

b) Mức “Không đạt” nếu nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhiều hơn 1/3 số thành viên Hội đồng có mặt đánh giá mức không đạt.

c) Mức “Đạt” nếu nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc Điểm a và Điểm b Khoản này.

### **Điều 21. Xử lý kết quả đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đạt yêu cầu, Sở Khoa học và Công nghệ gửi Biên bản họp Hội đồng tư vấn đến tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ để hoàn chỉnh hồ sơ. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo kết luận của Hội đồng và gửi Sở Khoa học và Công nghệ để xác nhận việc hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Nếu quá thời hạn được quy định trong Biên bản cuộc họp, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ không bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định thì xem như không giao nộp sản phẩm, Sở Khoa học và Công nghệ xử lý theo quy định.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ xếp loại ở mức “Không đạt”, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

## **Chương VI**

### **QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**Điều 22. Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

#### 1. Ký Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ký Hợp đồng với các tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục và bố trí vốn trong kế hoạch năm.

b) Riêng đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tổng kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ đầu tư hoặc hỗ trợ không quá 500 triệu đồng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện về năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện để giao nhiệm vụ, đồng thời chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

c) Thời gian thực hiện nhiệm vụ bao gồm thời gian triển khai các nội dung của nhiệm vụ và thời gian hoàn thiện hồ sơ phục vụ đánh giá nghiệm thu.

### **Điều 23. Điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

#### **1. Điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ**

a) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ. Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được thực hiện 01 lần đối với mỗi nhiệm vụ. Thời gian gia hạn không quá 12 tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện trên 24 tháng và không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện không quá 24 tháng. Đối với các nhiệm vụ đã thực hiện gia hạn 01 lần, mà trong mốc thời gian đã gia hạn, có xảy ra các trường hợp bất khả kháng (thiên tai, dịch bệnh, ...) ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ triển khai nhiệm vụ. Trong trường hợp này, nhiệm vụ được xem xét gia hạn lần thứ 02, thời gian gia hạn thực hiện theo điểm a Khoản 1 Điều này.

b) Trường hợp không theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này do người có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ quyết định.

b) Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được xem xét trước khi kết thúc hợp đồng ít nhất 01 tháng.

c) Việc rút ngắn thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được xem xét khi đã hoàn thành được ít nhất 2/3 nội dung của nhiệm vụ.

#### **2. Điều chỉnh tên, mục tiêu, nội dung và sản phẩm của nhiệm vụ**

a) Đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán đến sản phẩm cuối cùng: Thủ trưởng Tổ chức chủ trì nhiệm vụ được chủ động điều chỉnh nội dung nhiệm vụ và tự chịu trách nhiệm về quyết định điều chỉnh của mình nhưng không được phép điều chỉnh tên, mục tiêu và sản phẩm của nhiệm vụ.

b) Đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán một phần: Việc điều chỉnh được xem xét sau khi có ý kiến của Hội đồng tư vấn do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập.

#### **3. Thay đổi Chủ nhiệm nhiệm vụ**

Việc thay đổi Chủ nhiệm nhiệm vụ chỉ được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Chủ nhiệm nhiệm vụ đi học tập, công tác dài hạn trên 06 tháng liên tục.

b) Chủ nhiệm nhiệm vụ bị ốm đau, bệnh tật không có khả năng điều hành hoạt động nghiên cứu của nhiệm vụ (có văn bản đề nghị của cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc xác nhận của cơ quan y tế).

c) Chủ nhiệm nhiệm vụ tử vong; mất tích trên 06 tháng.

d) Chủ nhiệm nhiệm vụ có văn bản đề nghị thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ vì lý do cá nhân không thể tiếp tục thực hiện công việc được giao.

e) Chủ nhiệm nhiệm vụ không hoàn thành tiến độ và nội dung nhiệm vụ theo đặt hàng mà không có lý do chính đáng, vi phạm nguyên tắc quản lý tài chính theo kết luận của đoàn kiểm tra, thanh tra hoặc phải đình chỉ công tác.

Chủ nhiệm nhiệm vụ mới phải đáp ứng các yêu cầu tại khoản 3 Điều 9 Quy định này và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 9 Quy định này.

#### 4. Thay đổi tổ chức chủ trì nhiệm vụ

a) Chỉ thay đổi tổ chức chủ trì nhiệm vụ trong trường hợp có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc sát nhập, chia tách, giải thể tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

b) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ mới phải đáp ứng các yêu cầu tại khoản 1 Điều 9 Quy định này và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy định này.

#### 5. Điều chỉnh khác đối với nhiệm vụ

a) Điều chỉnh, bổ sung cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ: Tổ chức chủ trì nhiệm vụ được chủ động thay đổi cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ để đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ đã được phê duyệt. Việc thay đổi cá nhân tham gia phải có sự đồng thuận của người được bổ sung và người được thay thế.

b) Điều chỉnh khác đối với các nội dung không quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định.

#### 6. Thẩm quyền điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ

a) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ chủ động quyết định điều chỉnh các nội dung quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 5 Điều này.

b) Tổ chức chủ trì gửi văn bản điều chỉnh về Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định việc điều chỉnh các nội dung không thuộc điểm a khoản 6 Điều này. Trường hợp không đồng ý việc điều chỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ gửi văn bản đến tổ chức chủ trì nhiệm vụ, trong đó nêu rõ lý do không đồng ý.

### **Điều 24. Kiểm tra, đánh giá thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Kiểm tra, đánh giá dựa trên Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã ký kết; đảm bảo tính dân chủ, khách quan, công bằng, trung thực và chính xác; Tôn trọng và hạn chế ảnh hưởng tới hoạt động bình thường của tổ chức được kiểm tra.

2. Việc kiểm tra, đánh giá thực hiện nhiệm vụ theo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Thành phần tham gia đánh giá gồm lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ, đại diện các phòng chuyên môn của Sở Khoa học và Công nghệ, thành phần khác theo yêu cầu của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định.

#### 4. Nội dung kiểm tra, đánh giá

- a) Nội dung của nhiệm vụ: Nội dung đã hoàn thành, nội dung đang triển khai.
- b) Tiến độ thực hiện.
- c) Tình hình sử dụng kinh phí.
- d) Các nội dung khác (nếu có).

5. Việc kiểm tra tài liệu, báo cáo có thể thực hiện tại tổ chức chủ trì hoặc tại Sở Khoa học và Công nghệ.

6. Kiểm tra, đánh giá tại hiện trường: Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sản phẩm trung gian hoặc sản phẩm là các mô hình, thiết bị cụ thể, sản phẩm đo kiểm được, đoàn kiểm tra, đánh giá có trách nhiệm đến hiện trường để kiểm tra, đánh giá cụ thể về số lượng sản phẩm của nhiệm vụ. Trường hợp cần thiết, đoàn kiểm tra có thể yêu cầu kiểm tra chất lượng sản phẩm tại cơ quan có chức năng chuyên môn phù hợp.

7. Kết quả kiểm tra, đánh giá được lập thành biên bản.

### **Điều 25. Đăng ký, lưu giữ, công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước phải được đăng ký, lưu giữ tại tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc danh mục bí mật nhà nước được đăng ký, lưu giữ theo chế độ mật.

#### 3. Công nhận kết quả

Hồ sơ công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bao gồm:

- a) Biên bản họp Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu.
- b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
- c) Báo cáo về việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu.
- d) Ý kiến của các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn độc lập (nếu có).

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xem xét ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

### **Điều 26. Thanh lý Hợp đồng**

a) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thanh lý hợp đồng sau khi kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã đăng ký, lưu giữ; đồng thời, các sản phẩm của nhiệm vụ và tài sản được mua sắm, hình thành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được kiểm kê, bàn giao và xử lý theo các quy định hiện hành.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thanh lý hợp đồng với các tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục và bố trí vốn trong kế hoạch năm.

**Điều 27. Tổ chức ứng dụng, nhân rộng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

a) Sau khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá nghiệm thu, Sở Khoa học và công nghệ tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương, các tổ chức và cá nhân có liên quan tổ chức ứng dụng, đánh giá hiệu quả ứng dụng, nhân rộng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức đánh giá hiệu quả ứng dụng, nhân rộng kết quả của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

c) Các Sở, ngành, địa phương, các đơn vị có liên quan có trách nhiệm xem xét, bố trí kinh phí được giao hàng năm cho ngành, đơn vị để triển khai ứng dụng, nhân rộng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện đánh giá hiệu quả ứng dụng, nhân rộng kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**Chương VII**  
**HỘI ĐỒNG TƯ VẤN**  
**TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

**Điều 28. Hội đồng tư vấn**

1. Hội đồng tư vấn do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập.

2. Hội đồng tư vấn có từ 07 đến 09 thành viên, bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch (khi cần thiết), 02 Ủy viên phản biện, Ủy viên làm nhiệm vụ Thư ký khoa học và các ủy viên khác. Thành viên Hội đồng là các nhà khoa học; thành viên đại diện Sở Khoa học và Công nghệ, tổ chức đề xuất đặt hàng, tổ chức có khả năng ứng dụng, nhân rộng kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ; nhà quản lý, nhà kinh doanh có năng lực và chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ. Trong đó có ít nhất 01 thành viên đã tham gia Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ hoặc tuyển chọn, giao trực tiếp.

3. Trường hợp đặc biệt do tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần Hội đồng khác với quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Cá nhân thuộc các trường hợp sau không được tham gia Hội đồng

a) Cá nhân đăng ký tham gia thực hiện nhiệm vụ.

b) Cá nhân thuộc tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ.

c) Cá nhân thuộc tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ.

d) Có căn cứ rõ ràng về việc không vô tư, không khách quan khi tham gia hội đồng.

đ) Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của chủ nhiệm, thư ký khoa học và thành viên chính tham gia thực hiện nhiệm vụ.

e) Cá nhân chưa chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động khoa học và công nghệ hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích.

### **Điều 29. Phương thức làm việc, nguyên tắc và trách nhiệm của Hội đồng tư vấn**

1. Hội đồng họp theo một trong các phương thức sau:

a) Phương thức họp trực tiếp.

b) Phương thức họp trực tuyến.

c) Phương thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

2. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng

a) Phải có sự tham gia ít nhất 2/3 số ủy viên Hội đồng, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được ủy quyền và 02 ủy viên phản biện.

b) Chủ tịch Hội đồng chủ trì các phiên họp Hội đồng. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt, Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền bằng văn bản chủ trì phiên họp.

3. Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng

a) Đánh giá trung thực, khách quan và công bằng; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng. Các thành viên Hội đồng, đại biểu tham gia và thư ký hành chính có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan trong quá trình họp Hội đồng.

b) Nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị ý kiến nhận xét, đánh giá trong cuộc họp Hội đồng.

### **Điều 30. Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ, nguyên tắc làm việc, nhiệm vụ và trách nhiệm của Tổ thẩm định kinh phí**

1. Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập.

2. Tổ thẩm định gồm 05 thành viên, trong đó: Tổ trưởng Tổ thẩm định là lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ; các thành viên là đại diện Sở Tài chính, đại diện Phòng chuyên môn của Sở Khoa học và Công nghệ. Trong đó có 01 thành viên là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch hoặc ủy viên của Hội đồng tư vấn.

3. Nguyên tắc làm việc của Tổ thẩm định

a) Chậm nhất là 10 ngày sau khi nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức họp Tổ thẩm định.

b) Phải có mặt ít nhất 4/5 thành viên Tổ thẩm định, trong đó phải có thành viên là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch hoặc Ủy viên phản biện của Hội đồng.

c) Tổ trưởng Tổ thẩm định chủ trì phiên họp.

d) Có kết luận tập thể về nội dung thẩm định. Các ý kiến của thành viên Tổ thẩm định không nhất trí với kết luận chung của Tổ thẩm định được bảo lưu và ghi rõ trong Biên bản.

#### 4. Nhiệm vụ của Tổ thẩm định

a) Rà soát lại nội dung chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến Hội đồng tư vấn và nội dung chỉnh sửa khác (nếu có).

b) Đánh giá sự phù hợp của dự toán kinh phí so với:

- Các nội dung nghiên cứu theo kết luận của Hội đồng và các nội dung chỉnh sửa khác (nếu có).

- Thời gian cần thiết để thực hiện.

- Các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi hiện hành.

- Thuyết minh chi tiết về các nội dung công việc chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi.

c) Đánh giá khả năng đối ứng vốn ngoài ngân sách nhà nước và phương án huy động của tổ chức chủ trì để thực hiện nhiệm vụ (nếu có); các hồ sơ tài liệu phải bổ sung trước khi ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ (nếu cần thiết).

d) Kiến nghị tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ gồm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác (nếu có), thời gian thực hiện và phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần.

#### 5. Trách nhiệm của Tổ thẩm định

a) Thành viên Tổ thẩm định chịu trách nhiệm cá nhân và tập thể về kết luận chung của Tổ thẩm định. Các thành viên Tổ thẩm định, đại biểu (nếu có) và thư ký hành chính có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình thẩm định kinh phí.

b) Tổ thẩm định báo cáo bằng văn bản với Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và đề xuất phương án xử lý những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết, phát sinh trong quá trình thẩm định hồ sơ nhiệm vụ để xem xét, quyết định.

### **Điều 31. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ**

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức xác định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp các tổ chức và cá nhân chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; thẩm định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục, kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm, trừ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ không quá 500 triệu đồng.

Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ với tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Theo dõi, giám sát, kiểm tra, thanh tra nội dung, tiến độ thực hiện và việc sử dụng kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trong trường hợp cần thiết có thể điều chỉnh điều chỉnh hợp đồng thực hiện nhiệm vụ cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn, hoặc chấm dứt việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đó. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu và công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Hướng dẫn, triển khai các văn bản pháp luật của nhà nước phục vụ công tác quản lý thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ bảo đảm thống nhất trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 32. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Ký hợp đồng và theo dõi, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho chủ nhiệm vụ thực hiện hợp đồng với Sở Khoa học và Công nghệ; chịu trách nhiệm về tiến độ và kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nghiêm túc thực hiện những điều cam kết trong hợp đồng.

2. Chỉ đạo, đôn đốc, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; có trách nhiệm giám sát chi tiêu chặt chẽ, có hiệu quả, đảm bảo tính chính xác và thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

3. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất (trang thiết bị, nhà xưởng, phương tiện), nhân lực, huy động đủ các nguồn tài chính hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước (nếu có) và các điều kiện khác để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký.

4. Tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp tài liệu để Hội đồng tư vấn hoàn thành nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về tính chính xác của tài liệu đã cung cấp.

5. Cùng chủ nhiệm vụ khoa học và công nghệ phối hợp với các bên liên quan tiến hành giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo các quy định hiện hành.

6. Thực hiện việc đăng ký và lưu giữ kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành.

7. Triển khai ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 44 Luật Khoa học và Công nghệ.

### **Điều 33. Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh của nhiệm vụ đáp ứng được mục tiêu.

2. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về tính trung thực, giá trị khoa học, kết quả và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký; chịu trách nhiệm đề xuất với tổ chức chủ trì về phương án ứng dụng kết quả hoặc thương mại hóa sản phẩm từ kết quả của nhiệm vụ.



3. Được bảo đảm các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ theo cam kết trong hợp đồng và đề xuất, kiến nghị các điều chỉnh khi cần thiết.

4. Phối hợp với tổ chức chủ trì đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

5. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng. Thực hiện báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất về tiến độ triển khai, sử dụng kinh phí và báo cáo kết quả thực hiện của nhiệm vụ với tổ chức chủ trì. Chủ trì xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ và các tài liệu khác theo hợp đồng đã ký.

6. Triển khai ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 44 Luật Khoa học và Công nghệ.

### **Điều 34. Khen thưởng**

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ sẽ được khen thưởng theo quy định tại Điều 77 và Điều 78 của Luật Khoa học và Công nghệ.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá, xếp loại ở mức “Xuất sắc”, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

## **Chương VIII TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 35. Sở Khoa học và Công nghệ**

1. Chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, giám sát việc triển khai thực hiện Quy định này.

2. Có trách nhiệm hướng dẫn việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ; phương thức làm việc của Hội đồng tư vấn.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn để xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**Điều 36.** Thủ trưởng các Sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**